

KINH TẾ SỐ Ở VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ TIỀM NĂNG HỢP TÁC VIỆT NAM - HÀN QUỐC

Nguyễn Thị Thu Hoàng^{}, Trương Quang Hoàn[†]*
Email: huongntt.kt@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 03/01/2023

Ngày nhận kết quả phản biện đánh giá: 03/07/2023

Ngày bài báo được duyệt đăng: 28/07/2023

DOI: 10.59266/houjs.2023.283

Tóm tắt: Kinh tế số đã nhận được sự quan tâm đáng kể từ nhiều quốc gia trong những năm gần đây. Kinh tế số bao gồm các giao dịch kinh tế và thương mại hàng ngày với mọi người, doanh nghiệp và chính phủ được thực hiện thông qua công nghệ thông tin và truyền thông. Khi nền kinh tế Việt Nam mở rộng, sự đóng góp đó dựa trên internet hoặc kinh tế số đã tăng lên đáng kể trong những năm gần đây. Để đạt được mức cao của nền kinh tế số, Việt Nam sẽ tập trung vào ba trụ cột: chính phủ điện tử, nền kinh tế điện tử và xã hội điện tử. Dữ liệu thống kê cho thấy nền kinh tế của Việt Nam đã tăng trưởng đáng kể trong những năm gần đây. Sự tăng trưởng của nền kinh tế số Việt Nam dựa trên nhiều yếu tố, bao gồm cả phần cứng và mềm cơ sở hạ tầng. Nhưng vấn đề quan trọng đối với nền kinh tế số Việt Nam đó là tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm, cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực hạn chế. Quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc đã có những bước phát triển nhanh chóng trong những thập kỷ gần đây, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế. Với nền kinh tế số tiên tiến của Hàn Quốc, có nhiều cơ hội cho Việt Nam và Hàn Quốc để hợp tác phát triển nền số Việt Nam trong những năm tới.

Từ khóa: nền kinh tế số, chính phủ điện tử, xã hội điện tử, thương mại điện tử

I. Đặt vấn đề

Nền kinh tế số đã nhận được sự quan tâm đáng kể từ nhiều quốc gia trong những năm gần đây. Nền kinh tế số bao gồm các giao dịch kinh tế và thương mại hàng ngày với người dân, doanh nghiệp và chính phủ được xử lý thông qua công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT-TT). Nó được gọi là nền kinh tế internet hoặc nền

kinh tế web, với các giao dịch và tương tác thương mại được hỗ trợ bởi phương tiện truyền thông xã hội dựa trên internet, nền tảng trang web, ứng dụng di động, trí tuệ nhân tạo (AI) và internet vạn vật (IoT). Khi nền kinh tế Việt Nam mở rộng, đóng góp của nền kinh tế dựa trên internet hoặc kỹ thuật số đã tăng lên đáng kể trong những năm gần đây. Điều này một phần

^{*} Khoa Kinh tế, Trường Đại học Mở Hà Nội

[†] Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

là do những nỗ lực của Việt Nam để phát triển kinh tế số. Tiềm năng phát triển kinh tế số của Việt Nam trong tương lai là rất nhiều, tạo cơ hội lớn cho hợp tác Việt Nam - Hàn Quốc trong lĩnh vực này.

Nghiên cứu này được cấu trúc thành 5 phần: (1) Đặt vấn đề; (2) Cơ sở lý thuyết: Chính sách phát triển nền kinh tế số Việt Nam; (3) Phương pháp nghiên cứu; (4) Kết quả nghiên cứu và thảo luận: Hàm ý hợp tác kinh tế Việt Nam - Hàn Quốc trong nền kinh tế số; (5) Kết luận: đưa ra kết luận chung cho sự hợp tác tương lai giữa Việt Nam và Hàn Quốc trong việc phát triển nền kinh tế số của Việt Nam.

II. Cơ sở lý thuyết: Chính sách phát triển nền kinh tế số Việt Nam

Nền kinh tế số là nền kinh tế sử dụng kiến thức, thông tin được số hóa để phân bổ nguồn lực, năng suất, góp phần tăng trưởng kinh tế chất lượng cao. Phát triển nền kinh tế số với trọng tâm là các nền tảng số quốc gia, là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực [3].

Phát triển nền kinh tế số Việt Nam tập trung vào ba trụ cột: chính phủ điện tử, nền kinh tế điện tử và xã hội điện tử. *Trụ cột chính phủ điện tử* nhằm tái cấu trúc cơ sở hạ tầng chính phủ từ dịch vụ công đến thủ tục hành chính và phát triển hệ thống tích hợp cơ sở dữ liệu trực tuyến. Nó bao gồm tập hợp dữ liệu về dân số, đất đai, đăng ký kinh doanh, tài chính và bảo hiểm xã hội được kết nối với trung tâm dữ liệu quốc gia và có thể truy cập trực tuyến. *Trụ cột kinh tế điện tử* hướng tới xây dựng nền kinh tế số, trong đó thương mại điện tử đóng vai trò sống còn. Việt Nam cũng đặt mục tiêu thành lập 100.000 công ty công nghệ trong nước để thiết kế và sản xuất

các sản phẩm và dịch vụ sáng tạo với tiêu chí “Sản xuất tại Việt Nam”. *Trụ cột xã hội điện tử* nhằm giải quyết khoảng cách kỹ thuật số của Việt Nam bằng cách tạo ra sự bình đẳng trong truy cập internet và sử dụng các dịch vụ trực tuyến.

Việt Nam đã thực hiện một số luật để điều chỉnh nền kinh tế số của mình. Văn bản chính hướng dẫn xây dựng chính sách và chiến lược kinh tế số là Chỉ thị 16/CT-TTg, ban hành năm 2017 nhằm hỗ trợ hơn nữa quá trình hiện đại hóa công nghệ của ngành [1]. Điều này bao gồm cơ sở hạ tầng và mạng kỹ thuật số mới, đẩy nhanh cải cách để khuyến khích doanh nghiệp áp dụng công nghệ mới, ưu tiên phát triển ngành CNTT-TT Việt Nam, xây dựng hệ sinh thái đổi mới, xây dựng kỹ năng công nghệ và nâng cao nhận thức về các cơ hội và thách thức của Công nghiệp 4.0.

Năm 2020, Việt Nam phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 [2]. Sáng kiến này sẽ giúp đẩy nhanh quá trình chuyển đổi kỹ thuật số thông qua những thay đổi về nhận thức, chiến lược doanh nghiệp và các khuyến khích đối với việc số hóa các hoạt động kinh doanh, quản trị và sản xuất. Chương trình hướng đến các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình muốn chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và năng lực cạnh tranh.

Tháng 3 năm 2022, chính phủ đã ban hành Quyết định số 411/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế - xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 [3], góp phần quan trọng giúp Việt Nam vượt qua vị thế của một quốc gia có thu nhập thấp và tương ứng

trở thành một quốc gia có thu nhập trung bình cao. Chính phủ đã đặt mục tiêu nền kinh tế số sẽ chiếm 20% tổng sản phẩm quốc nội (GDP) vào năm 2025. Các mục tiêu quan trọng khác bao gồm 10% nền kinh tế số trong từng ngành, 80% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử, 50 % doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) sử dụng hợp đồng điện tử, 80% dân số trưởng thành sử dụng điện thoại thông minh, 80% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng và 70% dân số trong độ tuổi lao động được đào tạo các kỹ năng kỹ thuật số cơ bản. Chiến lược xây dựng thể chế, cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, con người và doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển nền kinh tế và xã hội số. Chiến lược đề ra 17 nhóm nhiệm vụ và 8 nhóm giải pháp nhằm đưa công nghệ số, dữ liệu số thâm nhập một cách tự nhiên vào mọi mặt sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của người dân.

Chính phủ đưa ra các ưu đãi cho các công ty công nghệ thông tin (CNTT) tham gia sản xuất các mặt hàng sau: sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm; nội dung thông tin số; sản phẩm CNTT; dịch vụ khắc phục sự cố an toàn thông tin; và bảo vệ an ninh thông tin. Các công ty CNTT đủ điều kiện có thể tận dụng các ưu đãi sau: miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp trong 11 năm sau thời gian miễn thuế và tín dụng đầu tư [4].

Hiện tại, nhiều cơ quan chịu trách nhiệm hỗ trợ và điều tiết các khía cạnh khác nhau của nền kinh tế số Việt Nam. Khung pháp lý hiện hành bao gồm các quy định và nghị định thương mại do các bộ ban hành; trong đó, Bộ Thông tin và

Truyền thông (Bộ TTTT) là cơ quan chính về các vấn đề liên quan đến ngành viễn thông và CNTT-TT.

III. Phương pháp nghiên cứu

Thu thập dữ liệu: tác giả đã chọn cách tiếp cận quy nạp để xem xét các tài liệu về nền kinh tế số, nền kinh tế số ở Việt Nam và Hàn Quốc. Các nguồn dữ liệu thứ cấp được sử dụng cho mục đích nghiên cứu là các tạp chí khoa học, sách, báo cáo từ các cơ sở dữ liệu khác nhau của Việt Nam và thế giới.

Phân tích dữ liệu: định tính kết hợp với phương pháp thống kê mô tả (thống kê, so sánh, phân tích và tổng hợp, suy diễn và quy nạp...); phân tích dữ liệu về thực trạng phát triển nền kinh tế số của Việt Nam thông qua các chỉ tiêu cụ thể; phân tích dữ liệu về Thương mại song phương Việt Nam - Hàn Quốc để xác định tiềm năng hợp tác trong tương lai giữa Việt Nam và Hàn Quốc trong nền kinh tế số của Việt Nam.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Thực trạng và hàm ý hợp tác kinh tế Việt Nam - Hàn Quốc trong nền kinh tế số

4.1.1. Thực trạng phát triển nền kinh tế số của Việt Nam

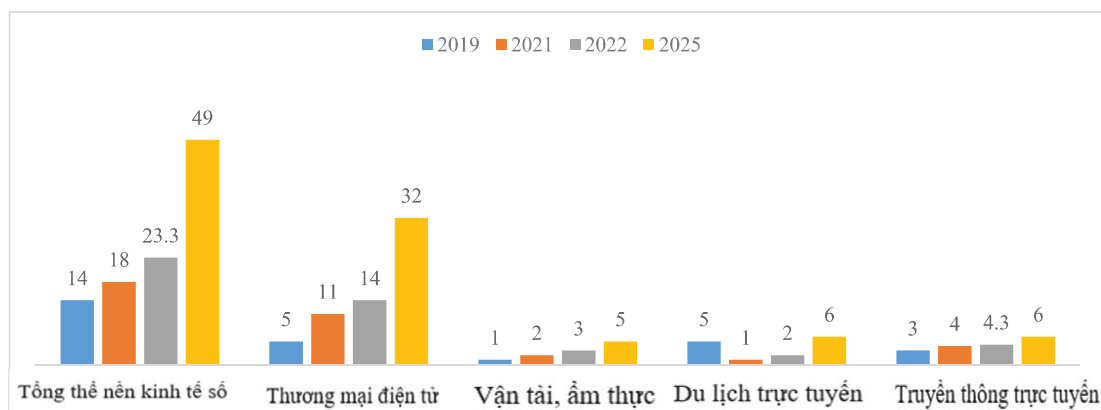
Nền kinh tế số Việt Nam đã tăng trưởng đáng kể trong những năm gần đây, được thể hiện thông qua sự tăng trưởng các lĩnh vực thương mại điện tử, vận tải, ẩm thực, du lịch trực tuyến, truyền thông trực tuyến.

Hình 1 cho thấy nền kinh tế số Việt Nam đã tăng trưởng đáng kể trong những năm gần đây, từ 14 tỷ USD năm 2019 lên 23,3 USD năm 2022. Năm 2022, quy mô

nền kinh tế số Việt Nam cao hơn Malaysia (21 tỷ USD), Philippines (20 tỷ USD), Singapore (18 tỷ USD) nhưng thấp hơn Indonesia (77 tỷ USD), Thái Lan (35 tỷ USD). Xét về tốc độ tăng trưởng, nền kinh tế số Việt Nam năm 2022 tăng 28% so với

năm 2021. Đây cũng là mức tăng trưởng cao nhất trong các nền kinh tế lớn ở Đông Nam Á (Indonesia, 22%; Philippines, 22%; Singapore, 22%; Thái Lan, 17%; và Malaysia, 13%).

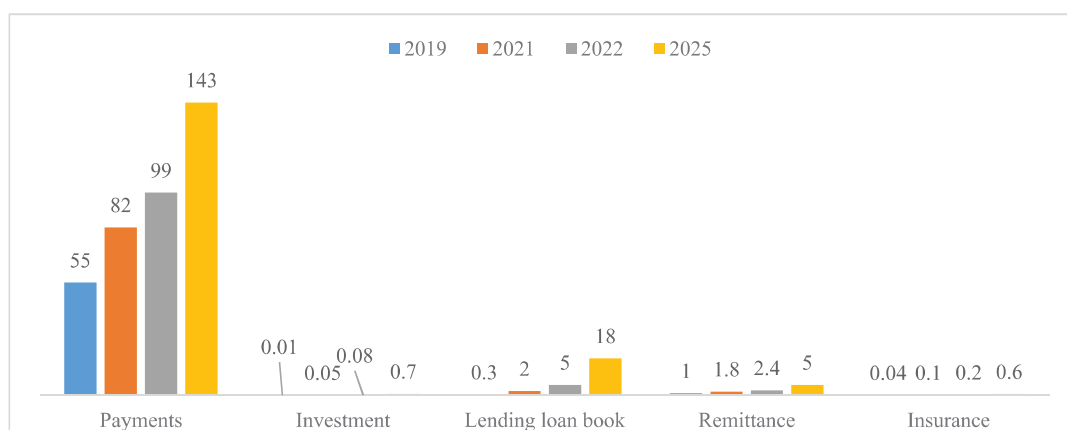
Hình 1: Nền kinh tế số Việt Nam (tỷ USD)



Nguồn: Google, Temasek and Bain & Company (2022), *e-Conomy SEA 2022*, <https://economysea.withgoogle.com/report/> [12]

Lĩnh vực quan trọng nhất trong nền kinh tế số của Việt Nam là thương mại điện tử, với tỷ trọng tăng mạnh từ 35,7% năm 2019 lên 60% năm 2022. Tiếp theo là truyền thông trực tuyến, vận tải, ẩm thực và du lịch trực tuyến. Đặc biệt, sau khi bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch COVID-19, lĩnh vực du lịch trực tuyến đã phục hồi trở lại, đạt 2 tỷ USD vào năm 2022.

Hình 2: Dịch vụ tài chính số (tỷ USD)



Nguồn: [12]

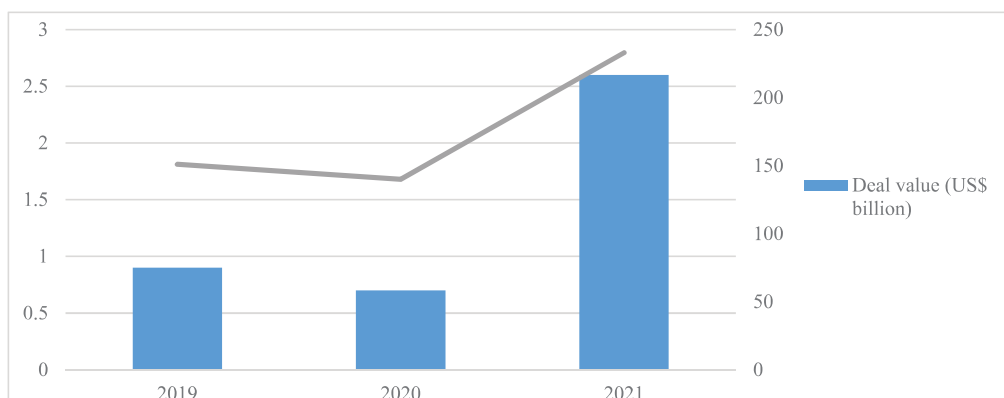
Dịch vụ tài chính kỹ thuật số tiếp tục phát triển mạnh ở Việt Nam (Hình 2). Đóng góp lớn nhất là thanh toán, đạt 99 tỷ USD vào năm 2022, tăng 21% so với năm 2021. Các tiểu ngành quan trọng khác bao gồm cho vay và kiều hối,

lần lượt đạt 5 tỷ USD và 2,4 tỷ USD. Theo Bộ Thông tin và Truyền thông, tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng kỹ thuật số đã vượt quá 30% [5]. Số lượng doanh nghiệp công nghệ số ước tính đến năm 2022 là 70.000 doanh

ngành, tăng 6.200 doanh nghiệp so với năm trước, tương đương 0,7 doanh nghiệp/1.000 dân. Người đô thị dùng kỹ thuật số tại Việt Nam có tỷ lệ sử dụng dịch vụ kỹ thuật số cao nhất, trong đó thương mại điện tử, dịch vụ vận tải và giao đồ ăn đứng đầu danh sách với tỷ lệ lần lượt là 96% và 85%.

Tần suất tiêu dùng nội dung số của một người Việt Nam thấp hơn mức trung bình của khu vực. Cụ thể, 23% số người tham gia khảo sát trả lời rằng họ xem video theo yêu cầu ít nhất một lần mỗi tuần, tiếp theo là 19% xem trò chơi trực tuyến và 16% xem nhạc theo yêu cầu [6]. Điều này cho thấy Việt Nam vẫn có tiềm năng tăng trưởng đáng kể trong dài hạn.

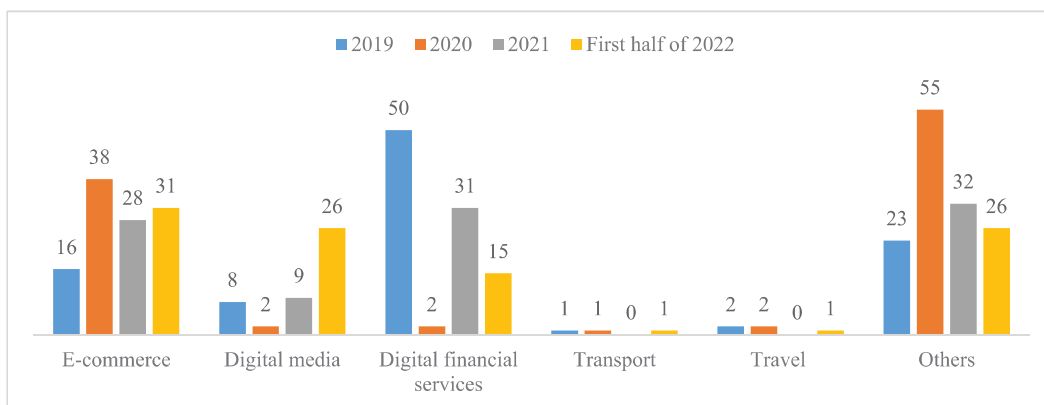
Hình 3: Giá trị nguồn vốn tư nhân và số lượng giao dịch trong nền kinh tế số Việt Nam



Nguồn: [12]

Sau khi sụt giảm vào năm 2020, hoạt động giao dịch trong nền kinh tế số của Việt Nam đã phục hồi vào năm 2021, đạt 2,7 tỷ USD. Số lượng giao dịch cũng tăng từ 140 vào năm 2020 lên 233 vào năm 2021 (Hình 3).

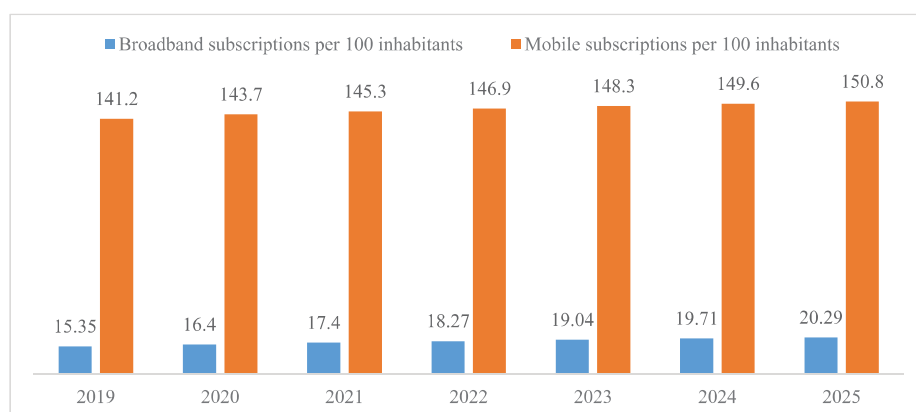
Hình 4: Nguồn vốn tư nhân theo lĩnh vực trong nền kinh tế số của Việt Nam (%)



Nguồn: [12]

Hình 4 cho thấy nền kinh tế số của Việt Nam ngày càng nhận được sự quan tâm từ các nhà đầu tư tư nhân. Hầu hết giá trị vốn tư nhân tập trung vào thương mại điện tử, tiếp theo là dịch vụ tài chính kỹ thuật số và phương tiện kỹ thuật số. Trong khi đó, đầu tư tư nhân vào giao thông trực tuyến và du lịch vẫn còn khiêm tốn.

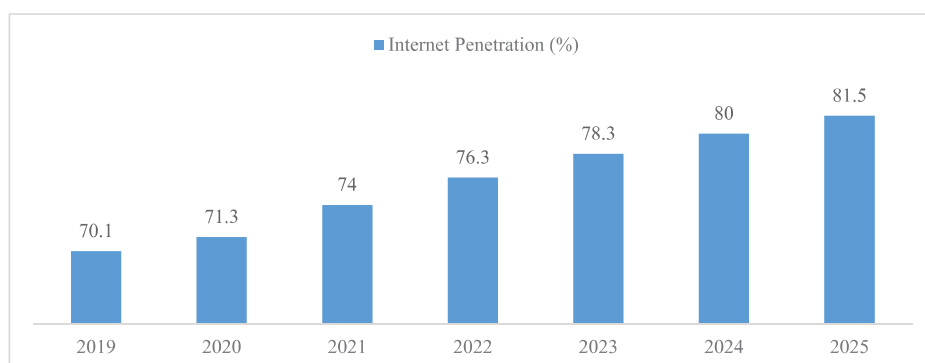
Hình 5: Một số chỉ số phát triển viễn thông tại Việt Nam



Nguồn: Statista (2023), *Digital Economy - Vietnam*,
<https://www.statista.com/outlook/co/digital-economy/vietnam> [13]

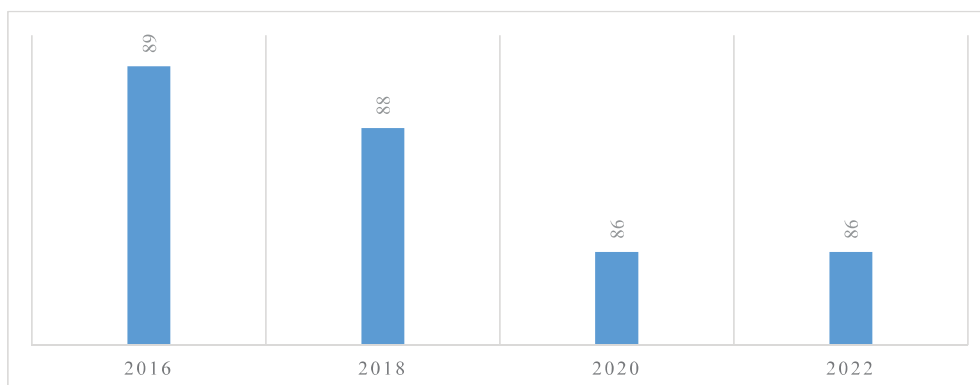
Sự tăng trưởng của nền kinh tế kỹ thuật số của Việt Nam do nhiều yếu tố khác nhau. Việt Nam đã đạt được tiến bộ đáng kể trong việc phát triển cơ sở hạ tầng phần cứng và phần mềm cho nền kinh tế số. Số thuê bao băng thông rộng trên 100 dân và thuê bao di động trên 100 dân đã được cải thiện trong những năm gần đây (Hình 5).

Hình 6: Tỷ lệ sử dụng Internet tại Việt Nam (%)



Nguồn: [13]

Hình 7: Xếp hạng của Việt Nam trong chỉ số phát triển chính phủ điện tử (EGDI) của Liên hợp quốc

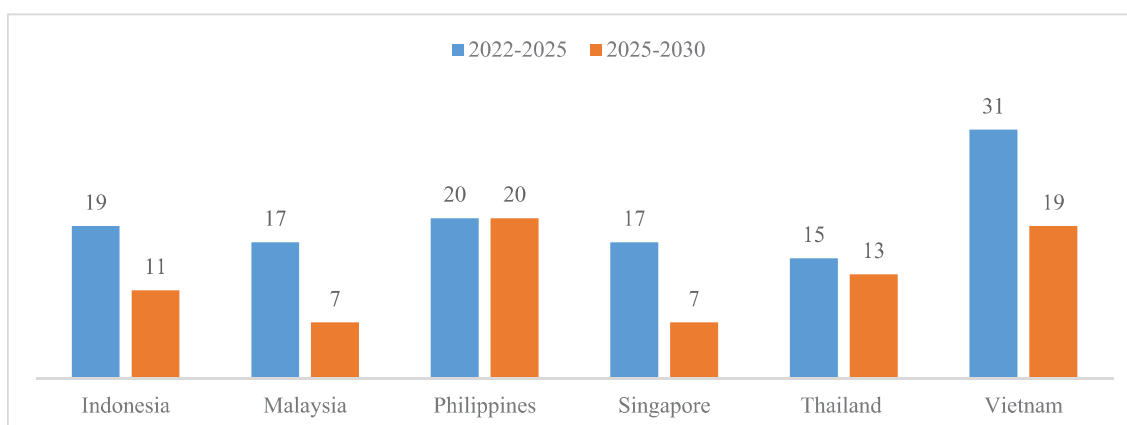


Nguồn: United Nations, *The United Nations E-Government Development Database*,
<https://publicadministration.un.org/egovkb/en-us/Data-Center> [14]

Ngoài ra, tỷ lệ người sử dụng internet cũng tăng lên đáng kể (Hình 6). Việt Nam cũng đã cải thiện thứ hạng trong chỉ số phát triển chính phủ điện tử (Hình 7), giúp giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho khu vực tư nhân.

4.2. Triển vọng tương lai của nền kinh tế số Việt Nam

Hình 8: Dự kiến tốc độ tăng trưởng kép hàng năm nền kinh tế số (%)



Nguồn: [12]

Sau đại dịch, Việt Nam là một trong những quốc gia nhanh chóng khôi phục các hoạt động “bình thường mới”. Tuy nhiên, một số thói quen và xu hướng tiêu dùng đã hình thành, phát huy trong đại dịch vẫn được duy trì và tiếp tục phát triển. Thương mại điện tử đang thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế số Việt Nam và 90% người tiêu dùng kỹ thuật số có kế hoạch duy trì hoặc tăng cường sử dụng các nền tảng thương mại điện tử trong vòng 12 tháng tới. Phần lớn người tiêu dùng tập trung vào các dịch vụ “Giao đồ ăn” (60%) và “Mua hàng tạp hóa trực tuyến” (54%) [7].

Các dịch vụ tài chính kỹ thuật số dự kiến sẽ tăng trưởng mạnh mẽ, với các khoản cho vay và đầu tư kỹ thuật số tăng mạnh lần lượt khoảng 56% và 106% từ

Với tốc độ tăng trưởng 31% trong giai đoạn 2022-2025 và 19% trong giai đoạn 2025-2030, nền kinh tế số của Việt Nam được dự báo sẽ đạt khoảng 49 tỷ USD vào năm 2025 và từ 120 tỷ USD đến 200 tỷ USD vào năm 2030. Việt Nam được kỳ vọng tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn 2022-2030 so với các nền kinh tế lớn khác ở Đông Nam Á.

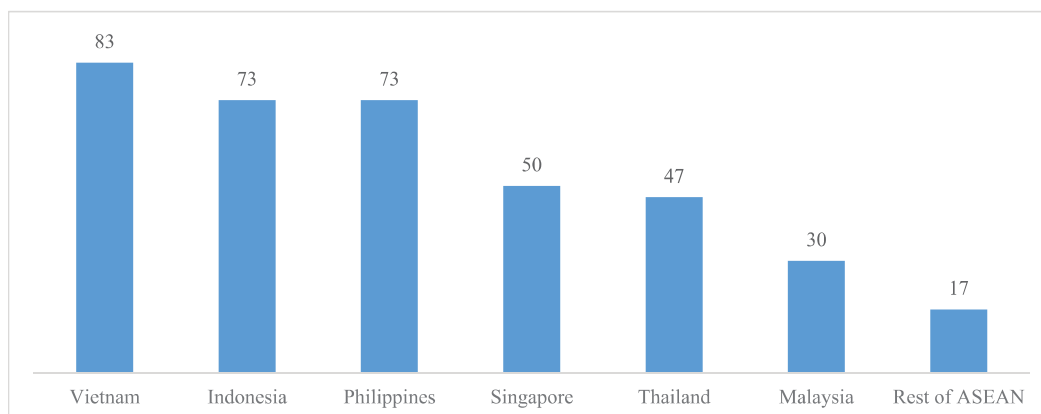
năm 2022 đến năm 2025. Tương tự như vậy, tốc độ tăng trưởng của kiều hối, thanh toán và bảo hiểm trong giai đoạn này được dự đoán là cao. Việt Nam cũng dự kiến sẽ có nhiều hoạt động giao dịch kỹ thuật số hơn trong khoảng thời gian từ năm 2025 đến năm 2030. Trong một cuộc khảo sát, 83% số người được hỏi tin rằng sẽ có sự gia tăng giá trị quỹ tư nhân trong nền kinh tế số Việt Nam, cao hơn đáng kể so với các quốc gia Đông Nam Á khác (Hình 9).

Có nhiều yếu tố thúc đẩy tiềm năng phát triển cao của nền kinh tế số Việt Nam, bao gồm tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối cao và ưu tiên của chính phủ về chuyển đổi kỹ thuật số, tăng đầu tư vào cơ sở hạ tầng kỹ thuật số, tăng vốn thông qua đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và hỗ trợ phát triển chính thức. Các động lực

khác bao gồm các khoản vay thông qua nền tảng fintech, đầu tư mạo hiểm, tăng cường xuất khẩu/thị trường mới bao gồm du lịch, thêm nhiều kiến thức, chuyển giao

công nghệ/việc làm và các kỹ năng, dân số trẻ, tầng lớp trung lưu trong nước đang phát triển và các ưu đãi thuế CNTT-TT hấp dẫn.

Hình 9: Mức tăng dự kiến trong hoạt động giao dịch ở giai đoạn 2025-2030 so với hiện nay (% câu trả lời)



Nguồn: [12]

Mặt khác, thách thức chính đối với Việt Nam trong quá trình chuyển đổi kỹ thuật số sẽ là duy trì nền tảng kinh tế vĩ mô vững chắc, kiểm soát nợ nước ngoài và lạm phát, đồng thời đầu tư hiệu quả vào cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực để khai phá tiềm năng sản xuất. Một trở ngại khác là thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan công quyền trong việc thực hiện các chiến lược kinh tế số quốc gia.

Từ thực trạng cũng như triển vọng tương lai của nền kinh tế số Việt Nam, định hướng phát triển nền kinh tế số ở Việt Nam trong thời gian tới cần có sự hợp tác với các quốc gia khác trên thế giới. Một trong số các quốc gia đó là Hàn Quốc, quốc gia có nền kinh tế số phát triển và có mối quan hệ hợp tác với Việt Nam liên quan đến phát triển nền kinh tế số.

4.3. Hàm ý hợp tác kinh tế Việt Nam - Hàn Quốc trong nền kinh tế số

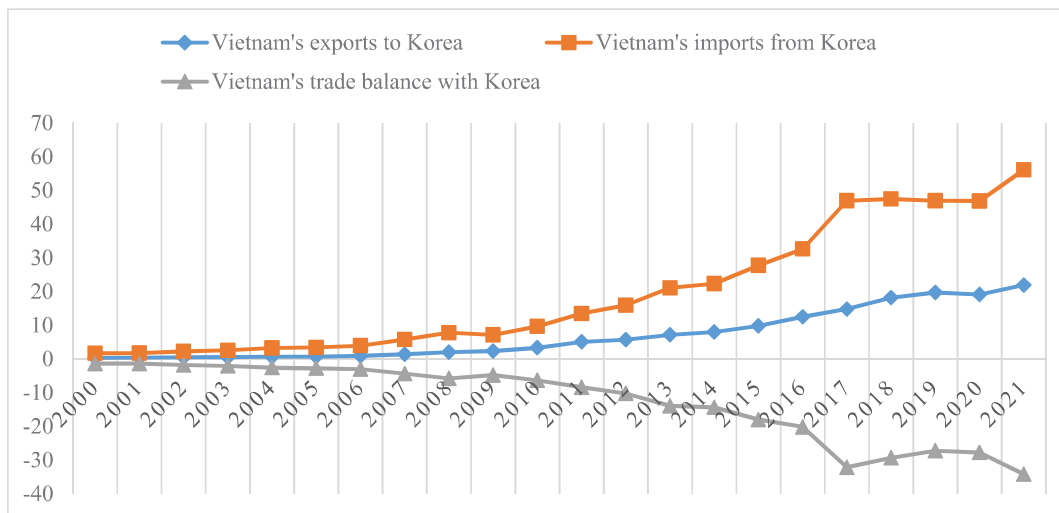
Quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc đã có những bước phát triển nhanh chóng trong

những thập kỷ gần đây. Hai nước nâng tầm quan hệ ngoại giao lên tầm đối tác chiến lược toàn diện vào năm 2022. Trong lĩnh vực kinh tế, Hàn Quốc và Việt Nam đã trở thành đối tác thương mại hàng đầu của mỗi bên. Hàn Quốc hiện là nhà đầu tư nước ngoài quan trọng nhất tại Việt Nam. Việt Nam cũng là nước thụ hưởng chính viện trợ nước ngoài của Hàn Quốc. Viện trợ phát triển của Hàn Quốc dành cho Việt Nam đặc biệt ở chỗ nó tập trung vào phát triển kinh tế xã hội bằng cách chia sẻ kinh nghiệm phát triển thông qua giáo dục và đào tạo nghề.

Tập trung vào lĩnh vực thương mại, trong những năm qua, quan hệ kinh tế Việt Nam - Hàn Quốc đã có những bước phát triển đáng kể. Tổng kim ngạch thương mại giữa hai bên đã tăng nhanh từ 12,85 tỷ USD năm 2010 lên 78,04 tỷ USD năm 2021 (xem Hình 10). Việt Nam và Hàn Quốc tái khẳng định quyết tâm nâng kim ngạch thương mại hai chiều lên 100 tỷ

USD vào năm 2023 và 150 tỷ USD vào năm 2030 theo hướng cân bằng [8]. Nhờ đó, Hàn Quốc và Việt Nam đã trở thành đối tác thương mại hàng đầu của mỗi bên. Năm 2020, Việt Nam là thị trường xuất khẩu lớn thứ ba và nguồn nhập khẩu lớn thứ năm của Hàn Quốc. Đồng thời, Hàn Quốc là thị trường xuất khẩu lớn thứ tư và là nguồn cung cấp lớn thứ hai của Việt Nam (Xem Bảng 2 và 3).

Hình 10: Thương mại song phương Việt Nam-Hàn Quốc (tỷ USD)



Nguồn: Author's data processing from UN Comtrade [14]

Bảng 2: Mười đối tác thương mại hàng đầu của Hàn Quốc năm 2020

Thứ hạng	Xuất khẩu			Nhập khẩu		
	Quốc gia/Lãnh thổ	Giá trị (tỷ đô la Mỹ)	Tỷ lệ (%)	Quốc gia/Lãnh thổ	Giá trị (tỷ đô la Mỹ)	Tỷ lệ (%)
1	Trung Quốc	132.56	25.85	Trung Quốc	108.87	23.29
2	Mỹ	74.44	14.52	Mỹ	57.77	12.36
3	Việt Nam	48.54	9.47	Nhật Bản	46.02	9.84
4	Hong Kong	30.66	5.98	Đức	20.67	4.42
5	Nhật Bản	25.09	4.89	Việt Nam	20.58	4.40
6	Đài Loan	16.46	3.21	Úc	18.71	4.0
7	Ấn Độ	11.95	2.33	Đài Loan	17.84	3.81
8	Singapore	9.83	1.92	Ả Rập	15.98	3.42
9	Đức	9.58	1.87	Nga	10.62	2.27
10	Malaysia	9.08	1.77	Malaysia	8.89	1.90

Nguồn: ASEAN- South Korea Center, 2021 ASEAN & South Korea in Figures, https://www.aseanSouthKorea.org/eng/Resources/ASEAN_Talks.asp [15]

Bảng 3: Mười đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam năm 2020

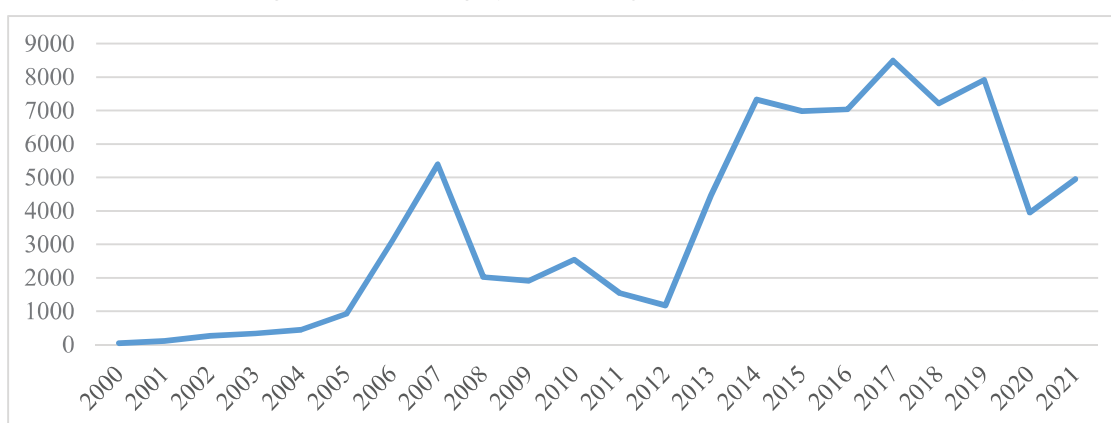
Thứ hạng	Xuất khẩu			Nhập khẩu		
	Quốc gia/Lãnh thổ	Giá trị (tỷ đô la Mỹ)	Tỷ lệ (%)	Quốc gia/Lãnh thổ	Giá trị (tỷ đô la Mỹ)	Tỷ lệ (%)
1	Mỹ	77.07	27.38	Trung Quốc	84.20	32.22
2	Trung Quốc	48.88	17.37	Hàn Quốc	46.86	17.93
3	Nhật Bản	19.27	6.85	Nhật Bản	20.28	7.76

Thứ hạng	Xuất khẩu			Nhập khẩu		
	Quốc gia/Lãnh thổ	Giá trị (tỷ đô la Mỹ)	Tỷ lệ (%)	Quốc gia/Lãnh thổ	Giá trị (tỷ đô la Mỹ)	Tỷ lệ (%)
4	Hàn Quốc	19.13	6.80	Đài Loan	16.70	6.39
5	Hong Kong	10.44	3.71	Mỹ	13.76	5.27
6	Hà Lan	7.00	2.49	Thái Lan	10.95	4.19
7	Đức	6.64	2.36	Malaysia	6.58	2.52
8	Ấn Độ	5.23	1.86	Indonesia	5.39	2.06
9	Anh	4.95	1.76	Úc	4.68	1.79
10	Thái Lan	4.90	1.74	Ấn Độ	4.48	1.72

Nguồn: [15]

Về lĩnh vực đầu tư, vốn FDI ra nước ngoài của Hàn Quốc vào Việt Nam đã tăng đáng kể trong những thập kỷ gần đây, đặc biệt là từ năm 2012 (xem Hình 11). Năm 2000, vốn FDI từ Hàn Quốc vào Việt Nam chỉ là 50 triệu USD, nhưng giá trị này đã tăng lên đáng kể, đạt 929 triệu USD vào năm 2005 và 5,3 tỷ USD vào năm 2007. Giá trị FDI của Hàn Quốc vào Việt Nam cao nhất là 8,4 tỷ USD vào năm 2018 .

Hình 11: Tổng vốn FDI đăng ký từ Hàn Quốc vào Việt Nam (triệu USD)



Nguồn: Author's processing based on data from the Foreign Investment Agency (FIA), Ministry of Planning and Investment [9]

Về vốn FDI lũy kế, đến cuối năm 2021, Hàn Quốc có 9223 dự án FDI với tổng vốn lũy kế là 74,65 tỷ USD, chiếm 18,29% tổng vốn FDI vào Việt Nam, tiếp theo là Nhật Bản (15,78%), Singapore (15,77%)., Đài Loan (8,66%), Hồng Kông (6,82%) [9]. Tính đến tháng 9/2022, Hàn Quốc có 9.438 dự án còn hiệu lực trị giá 80,5 tỷ USD, đứng đầu về vốn đăng ký và số dự án tại Việt Nam. Hàn Quốc luôn giữ vị trí là nhà đầu tư nước ngoài hàng đầu của Việt Nam trong

những năm, với số vốn đăng ký tăng hơn 700 lần kể từ năm 1992.

Trọng tâm FDI của Hàn Quốc vào Việt Nam thay đổi theo thời gian, chuyển từ công nghiệp sản xuất vào những năm 1990 sang bất động sản vào đầu những năm 2000 và sản xuất thiết bị công nghệ tiên tiến hiện nay. Các công ty Hàn Quốc đóng một vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam, chiếm khoảng 30% tổng giá trị xuất khẩu của cả nước.

Đặc biệt, Hàn Quốc được đánh giá là một trong những nền kinh tế kỹ thuật số hàng đầu thế giới với các chỉ số liên quan hàng đầu vào năm 2022 như doanh thu kỹ thuật số (154,4 tỷ USD), thuê bao băng rộng (44,50/100 dân), thuê bao di động (145,4/100 dân) và sử dụng internet (92,6% dân số) [10]. Hàn Quốc đứng thứ năm trong số 132 nền kinh tế được nêu trong Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) năm 2021 của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) [11].

Với khả năng cạnh tranh kỹ thuật số cao của Hàn Quốc và tiềm năng phát triển đáng kể của Việt Nam trong nền kinh tế số, hai bên có nhiều cơ hội hợp tác để hỗ trợ nền kinh tế của Việt Nam, bao gồm thương mại điện tử, công nghệ giáo dục (Edtech), đặt xe công nghệ, CNTT dịch vụ tài chính, ngân hàng và logistics. Về thương mại điện tử, hợp tác giữa Hàn Quốc và Việt Nam nên tập trung vào việc tạo ra các nền tảng thương mại điện tử và phương thức thanh toán kỹ thuật số, chẳng hạn như ví điện tử. Về công nghệ giáo dục, nhu cầu về công cụ học trực tuyến tại Việt Nam sau đại dịch COVID-19 vẫn ở mức cao. Như vậy, các nhà đầu tư Hàn Quốc có thể tăng cường đầu tư vào lĩnh vực Edtech tại Việt Nam như hệ thống quản lý học tập, quản trị trường học, đào tạo doanh nghiệp và giáo dục mầm non. Lĩnh vực đặt xe công nghệ là một ngành tương đối non trẻ ở Việt Nam, vì vậy có nhiều cơ hội cho sự hiện diện của các công ty nước ngoài. Các nhà đầu tư Hàn Quốc có thể tập trung vào các dịch vụ liên quan, chẳng hạn như dịch vụ giao đồ ăn, cho thuê và mua sắm. Cuối cùng, trong lĩnh vực logistics, hợp tác giữa Hàn Quốc và Việt Nam cần tập trung đầu tư vào hạ tầng công nghệ và tạo

bản đồ logistics số, kho dữ liệu tập trung, nền tảng số kết nối các dịch vụ vận tải đa phương thức tại Việt Nam.

V. Kết luận

Kết nối số, kinh tế số, trí tuệ nhân tạo được coi là những yếu tố then chốt để các quốc gia triển khai thành công Cách mạng công nghiệp 4.0. Đây là những lĩnh vực ưu tiên trong chiến lược phát triển kinh tế của cả Việt Nam và Hàn Quốc. Để đạt được nền kinh tế số cấp độ cao, Việt Nam đang tập trung vào ba trụ cột, bao gồm chính phủ điện tử, kinh tế điện tử và xã hội điện tử. Nghiên cứu hiện tại cho thấy đã có sự mở rộng giá trị đáng kể trong nền kinh tế kỹ thuật số của Việt Nam và nền kinh tế kỹ thuật số ngày càng đóng góp nhiều hơn vào tăng trưởng kinh tế trong những năm gần đây. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng sự phát triển trong tương lai của nền kinh tế Việt Nam đầy hứa hẹn nhưng phải đối mặt với nhiều vấn đề khác nhau, bao gồm tăng trưởng kinh tế chậm, cơ sở hạ tầng hạn chế và nguồn nhân lực. Với lợi thế của Hàn Quốc trong việc phát triển mạng 5G và trí tuệ nhân tạo, tiềm năng hợp tác trong tương lai giữa Việt Nam và Hàn Quốc trong việc phát triển nền kinh tế kỹ thuật số của Việt Nam là rất lớn. Nghiên cứu hiện tại cho thấy Hàn Quốc và Việt Nam nên tập trung hỗ trợ Việt Nam xây dựng và phát triển các nền tảng thương mại điện tử và phương thức thanh toán kỹ thuật số, gọi xe, lĩnh vực dịch vụ liên quan và cơ sở hạ tầng công nghệ.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ: “Về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công

- nghiệp lần thứ 4”.*
- [2]. Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt “*Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*”.
- [3]. Quyết định số 411/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt “*Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*”.
- [4]. Dezan Shira & Associates (2022), Digital Economy Prospects in Vietnam and Identifying Government Support, Vietnam Briefing, Issue 49, <https://www.asiabriefing.com/store/book/digital-economy-prospects-vietnam-identifying-government-support.html>
- [5]. <https://aecvcci.vn/tin-tuc-n10836/vietnams-digital-economy-grows-most-strongly-in-southeast-asia.htm>
- [6]. <https://economysea.withgoogle.com/report>
- [7]. <https://economysea.withgoogle.com/report>
- [8]. VOV (2022), “Vietnam and RoK upgrade ties to comprehensive strategic partnership”, December 5, 2022, <https://english.vov.vn/en/politics/diplomacy/vietnam-and-rok-upgrade-ties-to-comprehensive-strategic-partnership-post988583.vov>
- [9]. Foreign Investment Agency (FIA), “FDI Report in Various Years”, Ministry of Planning and Investment.
- [10]. <https://www.statista.com/outlook/co/digital-economy/south-korea#key-market-indicators>
- [11]. https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo_pub_gii_2021/kr.pdf
- [12]. Google, Temasek and Bain & Company (2022), e-Conomy SEA 2022, <https://economysea.withgoogle.com/report/>
- [13]. Statista (2023), Digital Economy - Vietnam, <https://www.statista.com/outlook/co/digital-economy/vietnam>
- [14]. United Nations, The United Nations E-Government Development Database, <https://publicadministration.un.org/egovkb/en-us/Data-Center>
- [15]. ASEAN- South Korea Center, 2021 ASEAN & South Korea in Figures, https://www.aseanSouthKorea.org/eng/Resources/ASEAN_Talks.asp